

HỒ TÂY, KHÔNG GIAN VĂN HOÁ THĂNG LONG ĐÂY ẮN TƯỢNG

Nguyễn Vinh Phúc*

Hồ Tây không chỉ là di tích văn hóa. Nếu Hồ Tây không phải là nơi Hai Bà Trưng đánh trận quyết chiến với Mã Viện thì Hồ Tây có Quảng Bá là nơi diễn ra trận đánh đầu tiên của Phùng Hưng trong chiến dịch giải phóng thành Đại La, có Cảo Động (Xuân Tảo, Xuân Đình) là nơi diễn ra cuộc chiến giữa Lý Triện (ta) và Phương Chính (địch), có hồ Trúc Bạch đã chìm sâu giặc lái Hoa Kỳ. Có nghĩa là Hồ Tây còn gắn với các chiến cuộc, nên người xưa mới có câu thơ: “Ngưu hồ dĩ biến tam triều cuộc”.

Quanh hồ còn có một dải làng nghề phục vụ cho sinh hoạt đô thành: dệt lụa, dệt lĩnh, làm giấy, trồng hoa, đúc đồng, nấu rượu, tung chài, bủa lưới... Nhiều nghề thủ công có tới nghìn năm tuổi, ban đầu là tranh thủ lúc nông nhàn, sau đó do yêu cầu của một kinh đô ngày càng phát triển đòi hỏi hàng tiêu dùng nên trở thành chuyên nghiệp. Nay dù thị hiếu đổi thay và hiện diện của hàng công nghiệp, các làng nghề đang chuyển đổi cơ cấu song nghề thủ công truyền thống Tây Hồ vẫn là niềm tự hào của Hà Nội ngàn năm.

Song, khi nói đến Hồ Tây, điều mọi người nghĩ đến đầu tiên là yếu tố văn hóa. Từ thế kỷ XIX, Cao Bá Quát đã viết:

“*Tây Hồ chân cá thị Tây Thi*”, nghĩa là (Hồ Tây đích thị nàng Tây Thi). Tây Thi là người đẹp nổi tiếng muôn đời của Trung Hoa và Á Đông. Câu thơ của danh sỹ họ Cao đã ví Hồ Tây đẹp như nàng Tây Thi. Một cách ví độc đáo, vì Tây Thi đẹp theo bốn mùa, đẹp lộng lẫy trong mùa xuân, đẹp rực rỡ trong mùa hè, đẹp thanh tú trong mùa thu và đẹp đầm thắm trong mùa đông. Hồ Tây vạt nước mênh mang cũng đẹp như vậy. Ngày xuân muôn hồng ngàn tía khắp các làng ven hồ, mùa hạ gió hồ làm dịu cơn nóng cho cả một khu vực ven đô, mùa thu sương khói lung linh huyền ảo, mùa đông nhuốm một vẻ đẹp tiêu sơ, mặt nước vắng lặng, đôi ba lá thuyền mỏng manh ẩn hiện trong lớp lớp mưa phùn đặc trưng của xứ Bắc.

Hẳn vậy mà cụ Tam nguyên Yên Đổ có một bài ca trù riêng về Hồ Tây:

Thuyền nan nhè nhẹ

Một mái chèo đủng đỉnh dạo Hồ Tây.

* Hội Sử học Hà Nội.

Sóng rập rờn sắc nước lẩn chiều mây

Bát ngát nhẽ, khéo ghẹo người du lãm.

Hồ Tây thực sự đã ghẹo bao du khách, vì vẻ đẹp của cỏ cây hoa lá và mặt nước mây trời đổi thay từng giờ, từng lúc, vì những huyền thoại bao phủ lên các miếu cổ, chùa xưa, lại còn vì cả sự gợi cảm của các địa danh địa điểm Thiên Phù, Trâu Vàng, Chùa Hang, Xác Cáo... Theo thuật phong thủy, xung quanh hồ là cả một vùng đất mang nhiều hình dáng các vật linh: phía đền Quan Thánh là đất hình Phượng, phía Yên Ninh là hình Rồng, phía Quảng Bá là hình Rùa, phía Quán La là hình Ngựa, phía Ngũ Xá là hình Lân. Tất cả các "linh vật" này đều châu về Hồ Tây. Hồ Tây là tâm điểm của một vùng "linh địa".

Chả thế mà quanh hồ hiện nay có 22 di tích được Nhà nước xếp hạng, và được cả nước biết tiếng: Quan Thánh, Trấn Quốc, Đồng Cổ, phủ Tây Hồ... Ở 22 di tích này có nhiều văn vật có giá trị: 102 bia đá, 165 câu đối, 140 bức hoành phi, 18 quả chuông cổ, 60 sắc phong thần, trên 300 pho tượng bằng đồng, gỗ, đá... một cái vốn văn hoá vật thể quý báu.

Ngoài ra, lại còn các lễ hội dân gian đặc sắc. Như hội "thối cơm thi" ở làng Nghè, hội "Chèo thuyền cạn" ở làng Hồ, hội thề Đồng Cổ ở làng Đông có từ thời Lý mà sử đã phải ghi là: "Ngày hôm ấy trai gái bốn phương đứng ở cạnh đường để xem chặt ních".

Hồ Tây lại còn đích thực có một vùng văn học riêng biệt, là nguồn cảm hứng, nguồn thi tứ của bao thế hệ người Hà Nội. Ví như văn học dân gian thì là những sáng tạo và cảm thụ nghệ thuật đầu tiên, sớm nhất đến với Hồ Tây, đã trở thành những vật báu trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam. Ở đây, hội tụ đủ mọi chủ đề tiêu biểu nhất của thần thoại, truyền thuyết, lại có cả một kho ca dao, tục ngữ long lanh sáng giá.

Trong mảng văn học thành văn cổ, Hồ Tây có mặt ở nhiều thể loại: ký, chí, truyện, thơ, phú... Thật không ngờ nơi đây lại thu hút được nhiều danh sỹ đến với mình. Đây là nơi gặp gỡ của các cuộc "văn chương kỳ ngộ": Nguyễn Trãi - Thị Lộ, Trạng Bùng - Liễu Hạnh, Nguyễn Du - Xuân Hương. Đây còn là một khoảng trời để nhà thơ suy ngẫm tự tình từ thời Nguyễn Mộng Tuân, Thái Thuận qua Ngô Thì Sĩ, Bùi Huy Bích, Cao Bá Quát, Nguyễn Văn Siêu... Đặc biệt, trong văn học cổ có ba nhà thơ nữ tài danh thì cả ba đều đã sống ở quanh Hồ Tây: Đoàn Thị Điểm, Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương.

Các tác giả văn xuôi cổ cũng không thua các nhà thơ trong sự ái mộ và tôn vinh Hồ Tây, từ Lê Thánh Tông, Vũ Quỳnh đến Phạm Đình Hổ, Hải Thượng Lãn Ông... Thời cận đại, truyền thống thơ văn ấy được những Tản Đà, Á Nam, Phan Kế Bính... tiếp nối và chuyển giao cho lớp văn nghệ sỹ hiện đại: Khải Hưng, Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng, rồi Tô Hoài, Quang Dũng, Trần Lê Văn, Ngô Quân Miện... rồi Bằng Việt, Vũ Quần Phương, Võ Văn Trực, Trần Mạnh Hào, Nguyễn Khắc Phục....

Lại còn tiềm năng du lịch nữa, du lịch vốn là một phạm trù giải trí tích cực. Du lịch quanh Hồ Tây không chỉ để biết *không gian văn hoá* mà còn được mở rộng cả *thời gian văn hoá*. Làm một vòng quanh hồ, không chỉ ngắm cảnh hồ đẹp, mây trời đẹp, đình chùa đẹp mà còn là dịp trở về cội nguồn với Lạc Long Quân khi ông diệt hồ tinh, với ông trạng Lê Văn Thịnh và nghi án hoá hổ, với Vũ Như Tô xây Cửu trùng đài, với Nam Đồng thư xá - một nhà sách tiên bộ vào năm 1926 - 1927, với bến đò Phú Xá, dải đất đầu tiên của Hà Nội được đón Bác Hồ...

Tìm hiểu Hồ Tây chính là tìm hiểu một phần rất cơ bản của văn hoá Thăng Long Hà Nội. Dưới đây xin nêu vài điểm về lễ hội vùng Hồ Tây để làm minh chứng cho luận đề trên.

Lễ hội vùng Tây Hồ không nằm ngoài hệ thống lễ hội Việt Nam, do đó việc cùng có những đặc điểm, tính cách của lễ hội Việt Nam, chủ yếu là lễ hội vùng đồng bằng sông Hồng, là điều tất yếu. Cũng như các lễ hội đó, lễ hội vùng Hồ Tây không vượt ra ngoài hàng số của lịch sử văn hoá Việt Nam cổ là nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Không nói các huyện ngoại thành nơi công cuộc đô thị hoá chỉ mới bắt đầu vài chục năm nay, mà ở ngay nội thành, khá nhiều khu phố vẫn còn giữ cái căn cốt làng xưa, không chỉ với các thiết chế văn hoá cổ: đình, đền, chùa, miếu, nhà thờ họ mà ngay cả những hoạt động họ hàng, phe giáp. (Chẳng cần đi đâu xa, xin nêu một địa chỉ gần gũi: bao trùm lên cái Chợ Gời ở quận Hai Bà Trưng nhận nhịp là cái làng cổ Thịnh Yên với miếu thổ thần, chùa Vua, đền họ Lê, nhà thờ họ Lê, họ Nguyễn...). Cho nên ở lễ hội vùng Tây Hồ vẫn là hội làng, do một làng đứng ra tổ chức. Lễ hội làng tức là một sinh hoạt văn hoá cộng đồng gắn liền với đời sống tinh thần của những người làm nghề nông nên ở đây là lễ hội của nền văn minh nông nghiệp, của những tín ngưỡng nông nghiệp. Hội làng Hồ Khẩu có trò “bắt chạch trong chum” và hội Phú Xá có tục rước Đức Thánh Tăng là tín ngưỡng phồn thực. Rồi bơi thuyền và rước nước ở Nhật Tân, Yên Phụ có gốc rễ là tục thờ nước của cư dân trồng lúa nước. Hội Linh Lang diễn ra ở các làng Thủ Lệ, Thụy Khuê, Vạn Phúc... là hội quang của tục lệ liên minh làng xã.

Cho nên một điều cũng cần chú ý tới là lễ hội vùng Hồ Tây không chỉ mang sắc thái văn hoá nông nghiệp mà còn tích hợp nhiều lớp tín ngưỡng, từ những tín ngưỡng nguyên thủy, ẩn tàng sâu xa, đến những tín ngưỡng tôn thờ danh nhân, tín ngưỡng tôn giáo ngoại lai du nhập không mấy cổ sơ, lại được phong kiến hoá, lịch sử hoá, nhiều khi đi quá xa ý nghĩa khởi nguyên.

Như ở hội Thụy Khuê, Thủ Lệ, tục thờ Linh Lang chỉ mới bắt đầu có từ đời Lý và lễ rước nước tất phải có trước thời điểm đó. Còn có thể nêu nhiều dẫn chứng khác, như tục thổi cơm thi ở Nghĩa Đô, hội đua thuyền ở Yên Phụ, Nghi Tàm... có căn cốt là nghi thức thờ nước, thờ lúa.

Lễ hội vùng Hồ Tây còn thấy khớp với một nhận định chung về lễ hội của nhà triết học phương Tây Sigmund Freud. Trong sách *Totem et tabou* in năm 1913, ông viết: “Lễ hội là một sự thái quá được phép, thậm chí được sắp đặt và là một sự vi phạm trịnh trọng những điều cấm kỵ”. Quả thật sự thể này có trong lễ hội Tây Hồ. Ngày thường, đạo lý Nho giáo gò bó người dân, quy định nghiêm ngặt các thân phận. Nhưng trong những ngày hội thì các mực thước thường ngày được tạm gác lại, như trai gái tha hồ đùa giỡn trong đám rước Đức Thánh Tăng ở Phú Xá trước mắt mọi người. Và mọi người ai ai cũng có thể bình đẳng trước thần thánh, thoải mái cầu cúng, tự do tranh giành những vật thiêng (nếu có) hay giàu nghèo đều được tham dự với những điều kiện giống nhau vào các trò chơi.

Hội lễ vùng Tây Hồ chủ yếu là hội mùa xuân: làng Nghè mừng 4 Tết, làng Xuân Biếu 19 tháng Giêng, các làng Nhật Tân, Quảng Bá, Nghi Tàm, Yên Phụ, Thụy Khuê, Yên Thái, Bái Ân đều mở trong các ngày mừng 10, 11 tháng Giêng, sang 13, 14 tháng Giêng là hội Hồ Khẩu, An Phú. Các lễ hội đó, đa dạng trong sắc thái biểu hiện, trong đối tượng thờ cúng, trong nghi thức lễ tiết, trong không gian văn hóa, trong diễn xướng... nhưng như đã nêu trên, đều có mẫu số chung là cầu nước, mừng mưa, cầu được mùa, mừng được mùa, dâng lễ vật tạ ơn trời đất, tổ tiên.

Ngoài ra, hội xuân còn áp ủ cả triết lý phồn thực, biểu dương sự ghép đôi, giao duyên, giao phối trai gái. Ở đây không có nô nường, không có múa mo, nhưng có *bắt chạch trong chum* ở hội Hồ Khẩu, có *Thánh Bà nổi cơn ghen* ở hội làng Dàn...

Tuy nhiên, trước sau đây vẫn là vùng cận kinh đô cho nên chưa “nhất thanh” thì cùng “nhị lịch”, có điều kiện để vượt các trấn ngoại vi để chất lọc tinh túy của bốn phương mà tạo ra bản sắc riêng của mình. Cho nên chất “thanh lịch” là có thật. Văn hoá cận đô thị đã làm mềm mại đi, duyên dáng lên, bay bổng hơn những yếu tố thô phác ở hội làng các vùng quê khác để đảm bảo tính thanh lịch, cho phù hợp với thẩm mỹ của dân đô thị. Có thể nêu dẫn chứng:

Mảng hội “bắt chạch trong chum” ở làng Hồ Khẩu có các điều kiện chơi giống như nhiều nơi khác, nghĩa là vẫn một dây chum đặt trước sân đình, trong chum có nước, có thả một con chạch. Người chơi một đôi nam nữ vừa phải bắt chạch, vừa quàng vai nhau và bóp ngực nhau. Song ở Hồ Khẩu có khác. Dự thi vẫn là một đôi nam nữ nhưng chỉ có nam là phải bắt chạch, một tay khoắng trong chum (để bắt chạch), một tay nắm cổ tay của nữ. Bên nữ phải vùng vẫy để tuột ra khỏi tay bên nam. Do đó nam phải nắm sao cho nữ không tuột khỏi tay mình, tuy nhiên lệ làng lại quy định là cổ tay cô gái lần đỏ, tức bị nắm chặt quá, thì nam coi như mất điểm, dù bắt được chạch. Như vậy có thể nhận định rằng “bắt chạch” ở các nơi khác, nghi thức của tín ngưỡng phồn thực được diễn ra với những động tác tính giao cụ thể, lộ liễu, trần trụi; còn ở Hồ Khẩu động tác này được cách điệu hoá, tượng trưng bằng hình thức nam chỉ nắm tay nữ, gượng nhẹ nhưng cũng thật là gắn bó, đồng cảm.

Tuy nhiên hầu hết các lễ hội vùng này gần đây có được tổ chức lại nhưng không mấy được thể hiện đầy đủ. Những nét đặc sắc như thổi cơm thi ở Nghĩa Đô, bắt chạch ở Hồ Khẩu, rước Đức Thánh Tăng ở Phú Xá... thì từ sau năm 1945 đều không được diễn lại nữa. Mà ngay cả các nghi lễ tế cũng đơn giản đi. Vẫn có chủ tế, bồi tế, vẫn áo mão hia hài, lọng tàn cờ quạt, cổ kiệu, long đình rồi phường bát âm, nhã nhạc và các trò vui, song tiến trình nhanh hơn, động tác gọn hơn, nói chung là châm chước đi nhiều cho phù hợp với thời hiện đại. Dù sao đó cũng là lễ hội của một vùng văn hoá Thăng Long.